1) Phân tích quan điểm toàn diện, liên hệ với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế với Việt Nam hiện nay

Khái niệm

Quan điểm toàn diện là một quan điểm mang tính phương pháp luận khoa học trong nhận thức thế giới. Khi nghiên cứu và xem xét sự vật phải quan tâm đến tất cả các yếu tố, các mặt, bao gồm cả măt gián tiếp, trung gian có liên quan đến sự vật. Quan điểm này xuất phát từ mối liên hệ phổ biến của các sự vật, hiện tượng và các hình thái tri thức.

Cơ sở lý luận:

Cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện là nguyên lý về mối liên hệ phổ biến. Các sự vật, hiện tượng có mối liên hệ rất đa dạng và phong phú: có mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bên ngoài; có những mối liên hệ chung của toàn bộ thế giới hoặc trong những lĩnh vực rộng lớn của thế giới lại có những mối liên hệ riêng từng lĩnh vực, từng sự vật, từng hiện tượng riêng biệt; có mối liên hệ trực tiếp giữa hai hoặc nhiều sự vật, hiện tượng với nhau, và có những mối liên hệ gián tiếp, trong đó các sự vật, hiện tượng liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau thông qua một hay nhiều khâu trung gian mới phát huy được tác dụng; có mối liên hệ tất nhiên, ngẫu nhiên; mối liên hệ cơ bản, thuộc về bản chất của sự vật, đóng vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của sự vật, cũng có những mối liên hệ không cơ bản, chỉ đóng vai trò hỗ trợ, bổ sung cho sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng. Các mối liên hệ này tồn tại phổ biến trong tự nhiên, trong xã hội loài người cũng như trong ý thức của con người

Cơ sở của mối liên hệ phổ biến là tính thống nhất vật chất của thế giới. Bởi lẽ, bản chất của thế giới là vật chất. Vật chất có thuộc tính chung nhất là tồn tại khách quan. Các sự vật trong thế giới đa dạng đến đâu thì cũng chỉ là những hình thức tồn tại cụ thể của vật chất, chúng đều chịu sự chi phối của quy luật vật chất, nên chúng có liên hệ chặt chẽ với nhau.

Quan điểm này được thể hiện từ cơ sở phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Với các tính chất thể hiện trong tính khách quan, tính phổ biến và tính phong phú, đa dạng của các mối liên hệ và sự phát triển của tất cả các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Sự tác động lẫn nhau này giúp cách sự vật được phản ánh với tính chất đa dạng trong thực tế. Một sự vật được nhìn nhận theo các yếu tố tác động và những tác động nên yếu tố khác.

Vận dụng đối với chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay:

Quan điểm này là một trong những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của triết học Mác - Lênin, giúp con người khắc phục được bệnh phiến diện, chủ nghĩa chiết trung và thuật ngụy biện trong nhận thức và cải tạo thực tiễn.

Thứ nhất, ta cần thông qua quan điểm toàn diện để có thể đánh giá toàn diện các mặt, các lĩnh vực trong tính chỉnh thể, hệ thống để xây dựng đất nước

Thứ hai, ta còn đánh giá, xác định vị trí, vai trò của từng lĩnh vực, yếu tố đối với sự phát triển của đất nước. Việc đánh giá này rất quan trọng, giúp cho ta xây dựng được từng bước đi, lộ trình phù hợp và có biện pháp tác động phù hợp. Vấn đề này đã được liệt kê cụ thể ở trong từng nội dung và từng lĩnh vực khác nhau như giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, phát triển văn hóa con người, lĩnh vực xã hội, an ninh quốc phòng,.. v.v...

Thứ ba, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, bản chất của sự vật chỉ được hình thành, biến đổi và bộc lộ thông qua các mối liên hệ. Vận dụng quan điểm toàn diện trong việc xác định các định hướng chiến lược phát triển đất nước, Đảng ta đã đề cập đến tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội. Thông qua định hướng phát triển trong từng lĩnh vực ấy cũng đã cho chúng ta thấy những mặt, những mối liên hệ cơ bản, chủ yếu trong chỉnh thể văn kiện của Đảng; khẳng định bản chất tốt đẹp của Đảng và Nhà nước ta, hướng đến xây dựng xã hội với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Những định hướng đó thể hiện quan điểm toàn diện sâu sắc, thể hiện tính nhân văn, khát vọng đem lại sự phồn vinh cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

3) - Phân tích quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, từ đó làm rõ vai trò tác động trở lại của ý thức xã hội. Vận dụng liên hệ với bản thân trong quá trình học tập và rèn luyện.

Tồn tại xã hội là gì?

Tồn tại xã hội là khái niệm dùng để chỉ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, là những mối quan hệ vật chất – xã hội giữa con người với tự nhiên và giữa con người với nhau; trong đó, quan hệ giữa con người với tự nhiên và quan hệ vật chất, kinh tế giữa con người với nhau là hai quan hệ cơ bản. Những mối quan hệ này xuất hiện trong quá trình hình thành xã hội loài người và tồn tại không phụ thuộc vào ý thức xã hội.

Tồn tại xã hội gồm các thành phần chính như phương thức sản xuất vật chất; điều kiện tự nhiên-môi trường địa lý; dân số và mật độ dân số v.v, trong đó phương

thức sản xuất vật chất là thành phần cơ bản nhất. Các quan hệ vật chất khác giữa gia đình, giai cấp, dân tộc v.v cũng có vai trò nhất định đối với tồn tại xã hội.

Ý thức xã hội là gì?

Ý thức xã hội là mặt tinh thần của đời sống xã hội, bao gồm tình cảm, tập quán, truyền thống, quan điểm, tư tưởng, lý luận v.v nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển khác nhau. Nói cách khác, ý thức xã hội là những quan hệ tinh thần giữa con người với nhau, là mặt tinh thần trong quá trình lịch sử. Ý thức xã hội có cấu trúc bên trong xác định, bao gồm những mức độ khác nhau (ý thức xã hội thông thường và ý thức lý luận (khoa học); tâm lý xã hội và hệ tư tưởng) và các hình thái của ý thức xã hội (ý thức chính trị, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, triết học, khoa học v.v).

Tồn tại xã hội quy định nội dung, bản chất, xu hướng vận động của ý thức xã hội; ý thức xã hội phản ánh cái lôgíc khách quan của tồn tại xã hội.

+) Tồn tại xã hội thay đổi là điều kiện quyết định để ý thức xã hội thay đổi. Mỗi khi tồn tại xã hội, đặc biệt là phương thức sản xuất biến đổi thì những tư tưởng và lý luận xã hội cũng dần biến đổi theo.

+) Tồn tại xã hội quy định ý thức xã hội không giản đơn, trực tiếp mà thường thông qua các khâu trung gian. Không phải bất kỳ tư tưởng, quan niệm, lý luận, hình thái ý thức xã hội nào cũng phản ánh rõ ràng và trực tiếp những quan hệ kinh tế của thời đại, mà chỉ khi xét cho đến cùng mới thấy rõ những mối quan hệ kinh tế được phản ánh, bằng cách này hay cách khác, trong các tư tưởng ấy. Như vậy, sự phản ánh tồn tại xã hội của ý thức xã hội phải được xem xét một cách biện chứng.

– Tính độc lập tương đối và sự tác động ngược trở lại của ý thức xã hội.

Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội thể hiện ở:

+) Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội do không phản ánh kịp những thay đổi của tồn tại xã hội do sức ỳ của thói quen, truyền thống, tập quán và tính bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội v.v tiếp tục tồn tại sau khi những điều kiện lịch sử sinh ra chúng đã mất đi từ lâu; do lợi ích nên không chịu thay đổi.

+) Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội. Do tính năng động của ý thức, trong những điều kiện nhất định, tư tưởng, đặc biệt là những tư tưởng khoa học tiên tiến có thể vượt trước sự phát triển của tồn tại xã hội; dự báo được quy luật và có tác dụng tổ chức, hướng hoạt động thực tiễn của con người vào mục đích nhất định.

+) Ý thức xã hội có tính kế thừa. Quan điểm, lý luận của mỗi thời đại được tạo ra trên cơ sở kế thừa những thành tựu lý luận của các thời đại trước. Kế thừa có tính tất yếu khách quan; có tính chọn lọc và sáng tạo; kế thừa theo quan điểm lợi ích; theo truyền thống và đổi mới. Lịch sử phát triển của các tư tưởng cho thấy những giai đoạn hưng thịnh và suy tàn của suy tàn của nền kinh tế.

– Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội cũng gây ảnh hưởng tới tồn tại xã hội.

Thông thường, trong mỗi thời đại, tuỳ theo những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, có những hình thái ý thức xã hội nào đó nổi lên hàng đầu tác động và chi phối các hình thái ý thức xã hội khác. Điều này nói lên rằng, các hình thái ý thức xã hội không chỉ chịu sự tác động quyết định của tồn tại xã hội, mà còn chịu sự tác động lẫn nhau. Mối liên hệ và tác động lẫn nhau đó giữa các hình thái ý thức xã hội làm cho mỗi hình thái ý thức xã hội có những tính chất và những mặt không thể giải thích trực tiếp được bằng các quan hệ vật chất.

– Sự tác động ngược trở lại của ý thức xã hội lên tồn tại xã hội là biểu hiện quan trọng của tính độc lập tương đối của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội.

Đó là sự tác động nhiều chiều với các phương thức phức tạp. Sự tác động này thể hiện mức độ phù hợp giữa tư tưởng với hiện thực; sự xâm nhập của ý thức xã hội vào quần chúng cả chiều sâu, chiều rộng và phụ thuộc vào khả năng hiện thực hoá ý thức xã hội của giai cấp và đảng phái. Như vậy, ý thức xã hội, với tính cách là thể thống nhất độc lập, tích cực tác động ngược trở lại lên tồn tại xã hội nói riêng và lên đời sống xã hội nói chung.

Liên hệ bản thân trong học tập và đời sống xã hội:

Là một sinh viên, bản thân cần phải nâng cao ý thức tự rèn luyện nhân cách để bản thân có thể hội tụ cả tài năng và đạo đức, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của mọi người để trở nên có ích cho đất nước, góp phần đẩy lùi cái xấu, cái ác ra khỏi đời sống xã hội.

Muốn tự mình hoàn thiện nhân cách thì mỗi người phải thường xuyên tự soi mình, tự sửa mình để tự giác, tự xây dựng kế hoạch, đề ra mục tiêu, thời gian sửa chữa khuyết điểm; tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nhân cách và đó phải là quá trình rèn luyện, phấn đấu thường xuyên, liên tục thì mới thành công.

**BT1:**

**Đề bài: Học triết học là học về thế giới quan và phương pháp luận. Bạn hay phân tích câu nói trên**.

Bài làm:

Để có thể phân tích được câu nói trên, ta cần tìm hiểu các khái niệm:

* Triết học là gì?
* Thế giới quan là gì?
* Phương pháp luận là gì?
* Mối liên kết giữa Thế giới quan và Phương pháp luận và Triết học ?

**1. Triết học là gì ?**

Triết học là bộ môn nghiên cứu về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan, những vấn đề có kết nối với chân lý, sự tồn tại, kiến thức, giá trị, quy luật, ý thức, và ngôn ngữ. Triết học được phân biệt với những môn khoa học khác bằng cách thức mà nó giải quyết những vấn đề trên, đó là ở tính phê phán, phương pháp tiếp cận có hệ thống chung nhất và sự phụ thuộc của nó vào tính duy lý trong việc lập luận.

(Duy lý dựa trên bằng chứng, tư duy.)

**2. Thế giới quan (Worldview) là gì?**

Thế giới quan là định hướng nhận thức cơ bản của một cá nhân hay xã hội bao gồm toàn bộ kiến thức và quan điểm của các cá nhân hay xã hội. Thế giới quan có thể bao gồm triết học tự nhiên; định đề cơ bản, hiện sinh, và quy chuẩn; hoặc các chủ đề, các giá trị, cảm xúc, và đạo đức.

**3. Phương pháp luận (Methodology) là gì?**

Phương pháp luận là lý luận về phương pháp, là hệ thống các quan điểm, các nguyên tắc chỉ đạo con người tìm tòi, xây dựng, lựa chọn và vận dụng các phương pháp trong nhận thức và thực tiễn

**4. Mối liên kết giữa Thế giới quan và Phương pháp luận và Triết học ?**

Thế giới quan cũng là một hệ thống những quan niệm mang tính khái quát về thế giới và về vai trò của con người đối với thế giới. Nó có ý nghĩa định hướng cho hoạt động nói chung của con người, là cơ sở cho việc hình thành những quan niệm, lý tưởng xã hội, đạo đức, thẩm mỹ,... Thế giới quan có cấu trúc phức tạp, bao gồm tri thức, tư tưởng, lý tưởng, niềm tin, …thể hiện trong các lĩnh vực: chính trị, đạo đức, triết học, khoa học và tôn giáo,... Trong đó triết học là cơ sở lý luận, hạt nhân của thế giới quan. Bởi vì, vấn đề chủ yếu của mọi thế giới quan cũng là vấn đề cơ bản của triết học, đó là giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

Mỗi quan điểm lý luận của triết học đồng thời là những nguyên tắc trong việc xác định phương pháp và lý luận về phương pháp. Sự phát triển của thực tiễn và khoa học đã dẫn đến sự ra đời một lĩnh vực đặc thù của tri thức triết học và khoa học lý thuyết – đó là phương pháp luận. Hay có thể nói phương pháp luận là hệ thống các quan điểm chỉ đạo con người trong việc tìm tòi, xây dựng, lựa chọn và vận dụng phương pháp trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết vấn đề đã đặt ra để có hiệu quả cao. Triết học thực hiện chức năng phương pháp luận chung của toàn bộ nhận thức khoa học, trong đó bản thân thế giới quan cũng mang một ý nghĩa về mặt phương pháp luận.

Vậy tóm lại, triết học là nghiên cứu về những vấn đề chung và cơ bản của con người, thế giới quan và vị trí của con người trong thế giới quan và cách lập luận về những phương pháp để giải quyết những vấn đề chung ấy, tức là học về thế giới quan và phương pháp luận.

**BT2:**

**Phân tích và đánh giá lối tư duy của Phương Đông và Phương Tây. anh chị nhận định như thế nào về vai trò của 2 lối tư duy này trong sự phát triển hiện nay của xã hội.**

21127329 - Châu Tấn Kiệt

21127500 - Lê Văn Dương

21127160 - Nguyễn Thanh Sơn

21127686 - Nguyễn Phùng Tài

21127085 - Phan Trung Kiên

21127627 - Cao Nguyễn Khánh

Bài làm:

**Tư duy phương Đông:**

Tư duy của phương Đông vẫn ý thức được rằng bản chất của thực tại là luôn thay đổi. Thế giới mà ta đang sống không tĩnh mà là động, và trạng thái của một sự vật, hiện tượng không tồn tại bất biến mà luôn trong quá trình chuyển hóa thành một trạng thái khác. Chính vì thực tại là luôn biến động và thay đổi nên người phương Đông cho rằng các khái niệm (do con người đặt ra để phản ánh thế giới thực tế) không mang tính cố định và khách quan mà là chủ quan và có thể linh động thay đổi.

Theo triết lý phương Đông vì thực tại luôn thay đổi, nên các cặp phạm trù đối ngược, nghịch lý, bất thường luôn được tạo ra trong cuộc sống. Cũ và mới, tốt và xấu, mạnh và yếu tồn tại trong mọi thứ.

Ví dụ 1: Khi vui thì tôi sẵn sàng làm người tốt, khi buồn thì dễ trở thành người xấu, cái thiện lẫn cái ác luôn tồn tại sẵn có bên trong tôi chỉ cần gặp phải đúng môi trường chúng sẽ được sinh ra. Tính cách của mỗi người không cố định mà nó sẽ thay đổi trên môi trường sống của mỗi người. Tính cách của tôi theo Đông phương không tồn tại bất biến mà luôn thay đổi, tùy thuộc vào hoàn cảnh và các yếu tố khác tác động

Ví dụ 2: Chúng ta thường sử dụng phương pháp cạo gió để trị bệnh, và khi bị một căn bệnh tương tự thì họ sẽ đi theo cái lối cũ, họ sẽ lại cạo gió để trị bệnh. Mặc dù các cơ sở khoa học, phân tích nghiên cứu chưa được đưa vào nhưng qua nhiều lần như vậy họ thường đưa ra các phương pháp, nhận định dựa trên các hiện tượng họ thấy được. Lối tư duy của người phương đông thì rất sáng tạo, linh hoạt nhưng chỉ nằm ở mức độ nhận biết, không mang tính tìm hiểu chuyên sâu để khai phá.

**Tư duy phương Tây:**

Lối tư duy của triết học Phương Tây chủ yếu dựa vào tư duy logic, phân tích mổ xẻ vấn đề rồi đưa ra kết luận. Cùng một vấn đề, triết học Phương Tây có xu hướng tách chủ thể và khách thể ra phân tích để có nhận thức khách quan nhất. Cơ sở nhận thức của triết học Phương Tây là những khái niệm, mệnh đề và biểu thức logic để vấn đề được định nghĩa một cách rõ ràng và thống nhất.

Ví dụ 1: Một vật thể A dù trong bất cứ môi trường nào cũng vẫn là A, nó không thể vừa là A vừa là đối của A.

Ví dụ 2: Anh A đưa ra ý kiến rằng Công ty X là một công ty có phúc lợi tốt cho nhân viên. Anh B là nhân viên từng làm việc ở công ty X phản biện, công ty X không có phúc lợi tốt, các bằng chứng anh đưa ra như công ty có mức lương thấp hơn các công ty khác trong cùng lĩnh vực, thường tăng giờ làm việc của nhân viên mà không hỗ trợ lương, công ty không thưởng cho nhân viên vào các dịp lễ tết, công ty luôn tìm cách để hạn chế đóng bảo hiểm cho nhân viên.

**Vai trò của 2 lối tư duy này trong sự phát triển hiện nay:**

Xã hội phương Tây thường chú trọng các giá trị như chủ nghĩa cá nhân, tự do, sáng tạo. Người phương Tây thường tập trung nhiều vào sự vật và thuộc tính của chúng, họ thường nhìn nhận bản thân mình một cách cố định và không thay đổi ở bất kì tình huống nào. Lối tư duy logic, nhìn kỹ vào 1 sự vật, sự việc, hiện tượng của phương Tây sẽ giúp cho việc nghiên cứu những vấn đề cần đến sự tuyệt đối như Khoa học, Toán học… Có thể nói là "Trắng ra trắng, đen ra đen, và không có khoảng ở giữa".

Tuy nhiên, xã hội phương Đông lại chú trọng các giá trị như tính tập thể, sự hài hòa, thống nhất và hòa bình. Vì trong cuộc sống, không phải lúc nào cũng có những tình huống "giấy trắng, mực đen" rõ ràng, cách áp dụng lối tư duy của phương Tây sẽ chỉ làm xung đột trở nên nghiêm trọng hơn. Vậy nên, lối tư duy phương Đông sẽ phần nào đấy giải quyết được các vấn đề hiện hữu trong cuộc sống, vốn không chỉ có 1 đáp án rõ ràng, tuyệt đối.

Có thể lấy ví dụ từ Bác Hồ, chúng ta đều biết Bác là con gia đình nhà nho, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã dạy Bác chữ nho khi còn bé, nên Bác hiểu thấu văn hóa phương Đông, nhiều luận điểm của Bác đều kế thừa văn hóa phương Đông, ví như: "Vì lợi ích 10 năm trồng cây, vì lợi ích 100 năm trồng người”, “Cần, kiệm, liêm, chính”, “Nhân, chí, dũng, liêm, trung”. Văn hóa phương Đông luôn có tư duy trực cảm, suy nghĩ và cảm xúc từ trực quan; còn văn hóa phương Tây họ đề cao tư duy khoa học. Bác đã kết hợp 2 lối tư duy này rất hài hòa. Đã từng có phóng viên nước ngoài đặt ra câu hỏi rằng: Thưa Chủ tịch, trong cuộc đời Chủ tịch điều gì là quan trọng nhất? Câu trả lời của Bác mang đặc trưng tư duy phương Tây, đó là: “Độc lập cho Tổ quốc tôi; tự do cho dân tộc tôi; hạnh phúc cho đồng bào tôi. Đó là tất cả những gì tôi muốn. Còn khi trả lời câu hỏi: Thưa Bác đâu là điều thiêng liêng nhất trong đời Bác? Bác trả lời mang đặc trưng của cảm xúc phương Đông, Bác đặt tay lên ngực và nói: “Tôi tự nguyện dâng hiến đời tôi cho dân tộc Việt Nam và cho cả thế giới…”

Như vậy, ta có thể nhận ra sự khác biệt trong văn hóa Đông - Tây đối với chúng ta hiện nay không phải khẳng định nền văn hóa này và hạ thấp nền văn hóa kia mà càng thấy rõ hơn sự cần thiết phải kết hợp văn hóa Đông - Tây trong xây dựng và phát triển nền văn hóa của mỗi quốc gia trong bối cảnh hiện nay. Sự thành công trong kết hợp văn hóa Đông - Tây của một số quốc gia phát triển trong khu vực và trên thế giới có thể là những định hướng quan trọng cho sự phát triển nền văn hóa với mục tiêu không chỉ tiên tiến mà còn đậm đà bản sắc dân tộc của Việt Nam hiện nay.

**BT3:**

**Đề:** Hãy phân tích vai trò của yếu tố địa lý đối với sự hình thành nên lối tư duy, nếp suy nghĩ của con người. Lấy một ví dụ phân tích cụ thể, liên hệ đến bản thân

**Vai trò:**

Tất cả những điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội và chính trị đều là yếu tố địa lí . Là một trong những mối quan hệ mật thiết và không thể tách rời với sự ra đời và phát triển của Triết học hiện nay. Ở từng trường phái, từng giai đoạn phát triển của Triết học ta thấy có những điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội và chính trị khác nhau.

Càng ngày mọi thứ càng trở nên sáng tỏ, khi mà những yếu tố như lịch sử, văn hóa và địa lý có thể chi phối cách nghĩ của chúng ta theo cách không thể kinh ngạc hơn – ngay từ giây phút ta nhìn thấy sự vật, sự việc. Chẳng hạn như việc canh tác mỗi loại hoa màu khác nhau cũng đủ để tổ tiên chúng ta suy nghĩ theo nhiều hướng khác nhau, hay đơn giản một con sông cũng có thể đánh dấu biên giới giữa 2 nền văn hóa.

Thông thường các yếu tố địa lý ảnh hưởng tới tư duy chúng ta do những điều kiện vật chất mà chúng ta có thừa hay thiếu. Ở miền tây, thì điều kiện vật chất, lương thực đầy đủ nên họ ít suy nghĩ về cái ăn, cái mặc ngày mai. Ở miền trung thiên tai triền miên, nên họ gia cố nhà rất chắc chắn. Ở Nhật Bản thì nguồn tài nguyên không có nhiều nên chúng ta thấy hầu hết các sản phẩm của họ thường rất tối ưu, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu nhất có thể. Địa lý là nơi chúng ta sinh sống, nó cung cấp các yếu tố điều kiện vật chất cho chúng ta. Chúng ta luôn tìm kiếm, suy nghĩ về những thứ mà chúng ta thiếu. Và những khó khăn, thiếu thốn của địa lý cũng ảnh hưởng tới sự phát triển của chúng ta.Ở miền núi: đi lại khó khăn nên người dân họ ít đi giao lưu, khám phá mở mang suy nghĩ. Suốt đời họ sống nhờ nghề trồng trọt, săn bắn. Và tập quán đó gắn liền rất sâu vào họ.Ở đồng bằng, sông nước: giao thương dễ dàng. Con người dễ dàng giao lưu, hòa nhập với nhau hơn. Điều kiện kinh tế thuận lợi nên con người vùng này coi trọng học thức, lễ nghĩa, chức tước, địa vị xã hội.

**Ví dụ**

Người miền trung thì mọc mạc, chất phác lại hay có tính cục bộ. Người miền nam thì phóng khoáng cởi mở, dễ gần. Dân miền Bắc thường thể hiện mình qua lời nói, trong bất cứ tình huống nào họ cũng đều phải nói cho được. Dân miền Trung thường thể hiện mình qua thái độ, cử chỉ, còn miền Nam thì thể hiện qua phong cách.

**Liên hệ**:

Mỗi thành viên trong nhóm đều đến từ những vùng miền khác nhau. Có người thì xuất thân từ miền Bắc, có người thì được sinh ra từ mảnh đất miền Trung đầy thử thách, lại có người vốn ở trong Nam. Với mỗi vùng miền, chúng ta có thể thấy được lối suy nghĩ đa dạng của từng người dựa vào việc họ đến từ đâu. Đối với những bạn đến từ miền Bắc, họ luôn có những nét tinh tế, thâm thuý, sâu sắc, nhưng đôi khi cũng bảo thủ, hoài cổ trong tính cách. Đối với những bạn từ miền Trung, nơi gặp rất nhiều khó khăn về địa hình hiểm trở, tai ương thường xuyên thì họ thường là những con người luôn luôn chăm chỉ, vượt khó, ham học và rất là tiết kiệm. Về các bạn đến từ miền Nam, nơi đây vốn đất lành chim đậu, mưa thuận gió hòa. Bởi vậy, họ thường được xem là những người cực kì hiếu khách và không quá coi trọng tiểu tiết, nên họ rất dễ kết thân và kết giao bạn bè với nhau. Những tính cách này nói chung đều đã được thế hiện rất rõ qua đoạn phân tích trên.

**BT4:**

Đề bài: Tìm hiểu những tác động của nho gia đến đời sống văn hóa tư tưởng tinh thần của người Việt Nam. Từ việc nghiên cứu học thuyết của nho gia bản thân sinh viên rút ra được những bài học giá trị gì cho bản thân.

Bài làm:

Nho gia, Nho giáo là những thuật ngữ bắt nguồn từ chữ "*Nho*". Theo Hán tự, "*Nho*" là chữ "*nhân*" (người) đứng cạnh chữ "*nhu*" (cần, chờ đợi). Nho gia còn gọi là nhà Nho - người đã đọc thấu sách thánh hiền - được thiên hạ trọng dụng để dạy bảo người đời để ăn, ở cho hợp luân thường đạo lý. Trước thời Xuân Thu, nhà Nho được gọi là "*Sĩ*", chuyên học văn chương và lục nghệ để góp phần trị vì đất nước. Đến đời mình, Khổng Tử đã hệ thống hóa những tư tưởng và trí thức trước đây thành học thuyết gọi là Nho học hay Nho giáo. Người đời cũng đã gắn học thuyết này với tên người sáng lập ra nó, gọi là Khổng học.

Từ thế kỷ XI trở đi, Nho giáo mới được Nhà nước phong kiến chú trọng đề cao. Để xây dựng, hoàn thiện thể chế nhà nước, giai cấp phong kiến đã tìm thấy ở Nho giáo những lợi khí mà Phật giáo và Đạo giáo đương thời không có: sự thần bí hóa vương quyền, sự thiêng liêng hóa quan hệ quân thần, những chuẩn mực và nội dung đào tạo quan lại thích hợp để nối dài cánh tay quyền lực của nhà vua. Đến thời Hậu Lê, Nho giáo vươn lên chiếm địa vị độc tôn trong văn hóa cung đình, đẩy Phật giáo và Đạo giáo xuống hàng tôn giáo dân gian. Nhưng Nho giáo có vị trí hàng “Quốc giáo” thật sự ở triều Nguyễn, một triều đại tập quyền tuyệt đối và triệt để khai thác đạo lý tam cương, ngũ luân của Nho giáo để bảo vệ tôn ti quân thần và quyền thống trị vĩnh viễn của tông tộc nhà vua. Trên đỉnh cao quyền lực, Nho giáo đã phát tác tối đa sức mạnh kìm hãm của nó, trở thành nguyên nhân sâu xa của tình trạng loạn lạc và trì trệ kéo dài suốt thế kỷ XIX cho đến khi mất nước về tay Pháp. Từ đầu thế kỷ XX, cùng với sự suy tàn của nhà nước phong kiến và giai cấp phong kiến, Nho giáo đã không còn là ý thức hệ chính thống và cũng không còn đóng vai trò một tôn giáo chính thống điều chỉnh hành vi và đạo đức như trước nữa. Sự đột khởi của phong trào Duy Tân - Đông Du (1905 - 1908) đã đóng cây đinh cuối cùng vào nắp quan tài của Nho giáo ở Việt Nam.

Do tác động từ Nho giáo nên sự phân hóa xã hội ở Việt Nam thêm sâu sắc, chủ thể văn hóa Việt Nam bị chia đôi; hình thành tầng lớp nho sĩ, giai cấp quý tộc, quan lại theo hình mẫu Nho giáo, tồn tại bên cạnh các giai cấp, tầng lớp sẵn có của xã hội Việt Nam xưa (nông dân, thợ thủ công, thương nhân).

Những tác động của nho gia đến đời sống văn hóa tư tưởng tinh thần của người Việt Nam:

**Tích cực :**

- Nho giáo với hệ thống tư tưởng chính trị của mình đã góp phần xây dựng các nhà nước phong kiến trung ương, tập quyền vững mạnh, góp phần xây dựng một hệ thống quản lý thống trị xã hội chặt chẽ, nâng cao sức mạnh quân sự và kinh tế quốc gia.

- Nho giáo rất coi trọng trí thức, coi trọng học hành. Khổng Tử là người “học nhi bất yếm, hối nhân bất nguyện". Hàng nghìn năm qua nhà nước Việt Nam đều lấy Nho học - Nho giáo làm nền tảng lý luận để tổ chức nhà nước, pháp luật và đặc biệt là giáo dục. Nội dung giáo dục của Nho giáo là dạy đức và dạy tài vẫn còn có ý nghĩa. Nho giáo coi trọng đức là coi trọng cách làm người, coi trọng con người là yếu tố quyết định. Giáo dục Nho giáo góp phần nâng cao văn hóa con người đặc biệt về văn hóa, sử học, triết học. Với phương châm “học nhi ưu tắc sĩ", học để có thể tìm ra một nghề nghiệp mới và nâng cao vị trí xã hội của bản thân là động lực hiếu học trong nhân dân. Hiếu học là đặc điểm của Nho giáo. Hiếu học đã trở thành truyền thống văn hóa Á Đông trong đó có Việt Nam.

- Nho giáo hướng quản đạo quần chúng nhân dân vào việc học hành,tu dưỡng đạo đức theo Ngũ Thường “Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín" làm cho xã hội ngày càng phát triển văn minh hơn.

- Nho giáo góp phần xây dựng mối quan hệ xã hội rộng rãi hơn, bền chặt hơn, có tôn tri trật tự... vượt quá phạm vi cục bộ là các làng xã, thôn, ấp hướng tới tầm mức quốc gia, ngoài ra nó góp phần xây dựng mối quan hệ gia đình bền chặt hơn, có tôn ti hơn... nhờ tuân theo

Ngũ Luân “Vua-tôi, cha-con, chồng-vợ, anh-em, bạn-bè".

- Nho giáo vốn đặt mối quan hệ vua tôi ở vị trí cao nhất trong năm quan hệ giữa người với người. Các Nho sĩ Việt Nam cũng nhấn mạnh mối quan hệ này, xây dựng tinh thần trung quân, ái quốc nhưng không mù quáng trung quân mà vẫn đặt ái quốc lên hàng đầu. Họ đòi hỏi nhà vua trước hết phải trung thành với tổ quốc và trung hậu với nhân dân.

- Nhân nghĩa trong Khổng giáo là tình cảm sâu sắc, nghĩa vụ thiêng liêng của bề tôi đối với nhà vua, của con đối với cha, của vợ đối với chồng, nhưng đối với Nguyễn Trãi và các trí thức Việt Nam thì điều cốt yếu của nhân nghĩa là phải đem lại cho nhân dân cuộc sống thanh bình, và đội quân chính nghĩa phải nhằm tiêu diệt những quân tàn bạo.

**Tiêu cực :**

- Không như Nho giáo Trung Hoa, tuy không coi trọng thương nghiệp nhưng cũng không phản đối. Nho giáo Việt Nam quá coi trọng nông nghiệp nhưng lại bài xích thương nghiệp, quá chú trọng đến tự sản, tự tiêu mà quên đi sự trao đổi mua bán, kìm hãm tính năng động, sáng tạo dẫn đến quan liêu, bảo thủ trong cả kinh tế lẫn chính trị. Trong những giai đoạn đầu của chế độ phong kiến, nó tạo sự ổn định, phát triển nhưng sau đó chính nó lại tạo ra sức ỳ quá lớn khiến đất nước không thể phát triển.

- Nho giáo quá bảo thủ không tiếp thu những cái mới ưu việt hơn dẫn đến việc cái mới ưu việt hơn bị tiêu diệt.

- Nho giáo đưa con người quá hướng nội, chuyên chú suy xét trọng tâm mà không hướng dẫn con người hướng ra bên ngoài, thực hành những điều tìm được, chinh phục thiên nhiên, vạn vật xung quanh.Điều này làm cho nền văn minh, khoa học tự nhiên, kỹ thuật sau một thời gian phát triển đã bị chững lại so với nền văn minh phương Tây vốn xuất hiện sau.

Rút ra từ những ưu điểm và hạn chế của Nho gia, Nho giáo đối với nền văn hóa xã hội Việt Nam hiện nay, không thể phủ nhận được tầm ảnh hưởng to lớn của Nho giáo trong công cuộc nhào nặn diện mạo và tinh thần dân tộc ta. Với phương châm coi đạo đức là trung tâm của giáo dục, Nho giáo đặc biệt đề cao phương pháp dạy và học hiểu sâu sắc những tri thức đã được học. Học tập kết hợp với đào sâu suy nghĩ sẽ giúp cho con người khám phá được những chân trời mới.

Những năm gần đây, nước ta đang thực hiện công cuộc đổi mới giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy để người học có thể tự tìm tòi, suy ngẫm, trong đó có phương pháp học kết hợp với thực hành, chủ động, sáng tạo được đông đảo mọi người quan tâm.

Phương pháp giáo dục này đã thực sự giúp người học không chỉ nắm bắt bài giảng nhanh và chắc chắn, mà còn tạo ra thói quen độc lập suy nghĩ cùng với phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tự giải quyết vấn đề. Từ đó, sẽ giúp người học phát triển tối đa năng lực bản thân, biết cách dựa vào những gợi ý của thầy để mở rộng thêm, làm phong phú thêm những kiến thức đã được học. Bên cạnh phương pháp học kết hợp với thực hành, giáo dục Nho học còn đề cập đến phương pháp tạo cảm hứng của người học, đối thoại giữa người dạy và người học, giữa người học và người học cũng có tác dụng phát huy tối đa tính năng động và sáng tạo của người học.

Đây là quá trình tương tác, học hỏi lẫn nhau giữa người dạy và người học, giữa người học với người học chứ không phải chỉ là sự tiếp nhận thụ động, một chiều như hiện nay.

Kế thừa bài học này cho phương pháp giáo dục hiện nay sẽ góp phần tạo ra lớp người chủ động thích ứng với cơ chế thị trường, đáp ứng tốt nhu cầu thực tiễn của đất nước. Trong giáo dục truyền thống theo tinh thần Nho học còn một phương pháp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay, đó là phương pháp nêu gương. Phương pháp này đặc biệt quan trọng vì nó có sức tác động mạnh mẽ vào ý thức người học bằng chính tấm gương của người dạy.

Giáo dục Nho học còn thể hiện tinh thần học không biết mệt mỏi của Khổng Tử. Người thầy luôn là tấm gương sáng cho học trò noi theo và hướng tới. Phương pháp giáo dục của Nho học đã để lại cho nền giáo dục Việt Nam hiện nay những bài học có giá trị.

**BT5:**

Đề bài:

Vấn đề 1: Bàn về thế giới quan của triết học phật giáo và những ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội Việt Nam.

Vấn đề 2: Bàn về nhân sinh quan của triết học phật giáo và những ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội Việt Nam.

Bài làm:

**Thế giới quan trong Triết học Phật giáo:**

Thế giới quan Phật giáo là gì?

Trong Phật giáo, “khía cạnh vũ trụ quan, thế giới quan có phần hơi mờ nhạt, trong khi đó khía cạnh nhân sinh quan lại khá rõ nét”.

Thế giới quan Phật giáo là toàn bộ những quan niệm chung nhất của Phật về thế giới, bao gồm thế giới luân hồi và thế giới các cõi Tịnh độ, các yếu tố cấu thành nên thế giới luân hồi là đất, nước, gió, lửa, và các quy luật vận hành trong thế giới bao gồm duyên sinh, vô thường, nhân quả, các vị trí và mối quan hệ của con người với thế giới.

**Nội dung cơ bản của thế giới quan Phật giáo**

Thứ nhất, quan niệm về các yếu tố tạo nên thế giới và các cõi trên thế giới

Về các yếu tố tạo nên thế giới: Các yếu tố vật chất tạo nên thế giới là đất, nước, lửa, gió (tứ đại). Sắc uẩn trong bốn đại là chỉ cho đất, nước, lửa, gió là thuộc tính của vật chất. Bốn đại này cũng chỉ cho bốn tính chất cứng, ướt, nóng và động. Sắc uẩn do bốn tính chất này tạo nên với sự vật muôn hình vạn trạng.

Về các cõi trên thế giới: Trong Phật giáo còn có khái niệm tam giới, bao gồm: Dục giới (nơi lòng dục thịnh); Sắc giới (dục tuy không thịnh nhưng chưa hoàn toàn thoát ly khỏi sự trói buộc của vật chất); Vô sắc giới (hoàn toàn thoát ly khỏi sự trói buộc của vật chất, chỉ có tinh thần). Bên cạnh đó, Phật giáo đưa ra khái niệm lục địa (6 nẻo luân hồi): 1. Ðịa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh ; 4. Người ; 5. Atula; 6. Trời.

Thứ hai, quan niệm về bản chất của thế giới

Các yếu tố vật chất (sắc) không tách rời các yếu tố tinh thần (thụ, tưởng, hành, thức) mà dựa vào các yếu tố tinh thần để tồn tại và ngược lại. Mọi tồn tại bao gồm cả yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần đều gắn với không và ngược lại. Tinh thần này thể hiện đậm nét trong kinh Bát nhã: “Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc” (Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc chính là không, không chính là sắc).

Thứ ba, quan niệm về quy luật vận hành của thế giới:

Các cõi đó đều tương ứng với sáu dòng tâm: tham là ngạ quỷ, sân là địa ngục, atula là ganh tỵ, trời là kiêu mạn, súc sinh là si mê, con người là sự chuyển đổi cả năm dòng tâm trên. Từ năm dòng tâm đó mà tạo nên toàn bộ cõi luân hồi. Thế giới quan Phật giáo về thế giới luân hồi chính là được tạo nên bởi sáu trạng thái tâm đó. Khi điều phục được sáu trạng thái tâm đó, con người sẽ tới được Niết bàn, Tịnh độ. Các cõi Tịnh độ không còn quy luật duyên sinh, vô thường, nhân quả chi phối nữa, phân tích ra sẽ làm rõ thế giới quan Phật giáo là quan niệm về cõi luân hồi và các cõi tịnh độ, từ các trạng thái tâm biến hiện ra.

Vị trí của con người trong thế giới được xét trong quan hệ nhân quả, luân hồi, vô thường, duyên sinh. Do đó, để thoát khỏi đau khổ cần thực hành Ngũ giới, Thập thiện. Tứ diệu đế của Phật giáo thể hiện quan niệm sâu sắc về thế giới khổ đau của con người.

**Phương thức ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo đối với đời sống:**

Thế giới quan Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, lối sống, hành vi, đạo đức và nhân sinh của một bộ phận nhân dân trong vùng đồng bằng sông Hồng. Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo theo nhiều phương thức khác nhau, song chủ yếu là tụng kinh, niệm Phật, tham gia các tổ kinh, các buổi giảng đạo, thuyết pháp ở các chùa, thiền viện,…

Thứ nhất, ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo thông qua thiền định, tụng kinh, niệm Phật

Thứ hai, ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo thông qua việc tự nghiên cứu, tư duy, chiêm nghiệm giáo lý nhà Phật

Thứ ba, ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo thông qua giáo dục Phật giáo (giảng đạo, thuyết pháp, các khóa tu...), thông qua biên dịch, ấn tống xuất bản kinh sách, ấn phẩm Phật giáo và các phương tiện truyền thông đại chúng

Thứ tư, ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo thông qua các hoạt động từ thiện xã hội

**Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo tới nhận thức**

Quan niệm“sống gửi, thác về” của Phật giáo đã thấm sâu vào trong tâm thức của người dân Việt Nam. Người dân cho rằng con người không chỉ sống ở hiện tại mà còn có cuộc sống ở kiếp sau, sau khi chết đi lại tiếp tục một cuộc sống khác nữa. Do duyên sinh và biến đổi không ngừng nên đời sống là một chu trình bất tận, nên chết có tái sinh, sống không chỉ một mà vô số đời kế tiếp nhau và quan niệm về tịnh độ vĩnh hằng, không bị vô thường, khổ chi phối. Đó là khát vọng, mong cầu của người thực hành và bất kỳ con người nào muốn có hạnh phúc, an lạc đích thực.

Xuất phát từ thế giới quan Phật giáo “chư pháp nhân duyên”, quan niệm về thế giới cho rằng thế giới này về đại thể có hai yếu tố danh và sắc, hay đó là yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần. Nó chính là vật và tâm. Do đó, chữ tâm trong thế giới quan Phật giáo ảnh hưởng đến tư duy người dân Việt Nam.

**Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo đối với đạo đức, lối sống**

Đạo đức là một trong những hình thái ý thức xã hội, bao gồm những nguyên tắc, những định chế xã hội nhằm thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi của con người, giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội. Thế giới quan Phật giáo trang bị cho con người niềm tin vào sức mạnh của quy luật nhân quả, của cuộc sống con người ở kiếp sau... thể hiện nhu cầu và ước nguyện tột cùng của con người là vươn đến giải phóng đau khổ, đạt tới cảnh giới của sự giải thoát, vươn tới hạnh phúc. Do đó, thế giới quan Phật giáo đã ảnh hưởng đặc biệt đối với đời sống tinh thần người dân Việt Nam.

Việc ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo tới vấn đề đạo đức của cư dân Việt Nam khá rõ nét. Những giá trị đạo đức đó chi phối, tham gia của triết lý sống, làm người của Phật giáo. Những giá trị đạo đức đó chi phối, tham gia vào triết lý sống, đạo làm người của các tín đồ Phật giáo. Điều này có ý nghĩa và giá trị rất lớn trong việc góp phần xây dựng nền đạo đức mới.

Sự ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo đến lối sống người dân, cho thấy Phật giáo chiếm một vị trí quan trọng trong lối sống người dân, trong các quan hệ giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, con người với xã hội. Cụ thể, thế giới quan Phật giáo định hình lối sống thiện, làm lành tránh ác; sống có hiếu với cha mẹ; sống hết mình vì người khác; sống có tinh thần tương thân tương ái; có lối sống lành mạnh; sống dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải; sống biết bảo vệ môi trường. Trong khi đó, thế giới quan Phật giáo với tư tưởng từ, bi, hỷ, xả đã giúp họ sống có đạo đức, có lối sống lành mạnh, có ích cho gia đình và xã hội.

**Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo đối với văn hóa**

Với đặc điểm về điều kiện tự nhiên, lịch sử và phát triển đã tạo cho Việt Nam một truyền thống văn hóa, phong tục tập quán phong phú. Các phong tục tập quán, văn hóa truyền thống đã tạo nên bản tính tự nhiên, chất phác, hồn hậu của người dân từ bao đời nay. Là một tôn giáo được truyền từ Ấn Độ xuống và từ Trung Quốc sang, Phật giáo đã hài hòa và tác động mạnh mẽ đối với phong tục, tập quán của người dân. Sự ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo đến phong tục tập quán, văn hóa truyền thống trong đời sống tinh thần người dân hiện nay được thể hiện dưới một số khía cạnh sau: 1. Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo Việt Nam đến văn hóa truyền thống.

2. Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo đối với tục đi lễ chùa, cúng rằm và mồng một.

3. Ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo qua tập tục ăn chay, phóng sinh và bố thí

**Kết luận**

Mặc dù cũng còn những hạn chế nhất định trong phương châm hành động và triết lý duy tâm, nhưng Phật giáo đã và đang có những đóng góp quan trọng cùng với những tôn giáo khác vào quá trình phát triển của xã hội và đất nước. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, đất nước ta đang có những bước tiến mạnh mẽ vào quá trình hội nhập và phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; bên cạnh những kết quả tích cực, nền kinh tế thị trường với những mặt trái của nó đã và đang đưa đến nhiều hệ lụy, trong đó có những hệ lụy về mặt tinh thần.

Để thúc đẩy sự phát triển của công cuộc đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm khai thác, phát huy, xây dựng các nguồn lực phục vụ cho quá trình phát triển đất nước. Trong đó, có những chính sách đúng đắn về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, coi đây là một trong những nhân tố quan trọng để việc giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước hiện nay.

Nguồn:

https://hcma.vn/content/tintuc/lists/news/Attachments/29553/T%C3%B3m%20t%E1%BA%AFt%20Cao%20Xu%C3%A2n%20S%C3%A1ng.pdf

<https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/phat-giao-gop-phan-hinh-thanh-nen-tu-tuong-van-hoa-dan-toc-viet-nam-475861.html>

**BT6:**

Đề bài: Phân tích quan điểm khách quan và phát huy tính năng động sáng tạo chủ quan. Liên hệ hoạt động học tập và lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.

**Bài làm:**

**1. Nguyên tắc khách quan.**

Khách quan là một trong các nguyên tắc quan trọng của quá trình nhận thức, đòi hỏi việc nhận thức phải dựa vào những cơ sở thực tế, xuất phát từ chính bản thân đối tượng, từ những thuộc tính, quy luật vận động và mối liên hệ vốn có của nó, không thế dựa vào ý muốn chủ quan hoặc lấy ý chí chủ quan áp đặt cho thực tế, đồng thời không được cắt xén, không được gán ghép cho sự vật, hiện tượng những gì mà chúng vốn không có. Vật chất là nguồn gốc khách quan sản sinh ra ý thức còn ý thức chỉ là sản phẩm phản ánh thế giới khách quan, vì vậy trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn phải luôn xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Quan điểm khách quan đòi hỏi khi xem xét đánh giá các sự vật hiện tượng chúng ta phải xuất phát từ thực tế, phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan

**2. Tính năng động chủ quan.**

Phát huy tính năng động chủ quan là phát huy tính tích cực sáng tạo của ý

thức trong quá trình phản ánh sự vật, hiện tượng để tìm ra bản chất quy luật của nó

và đề ra đường lối, biện pháp cải biến nó phục vụ lợi ích con người. Bên cạnh đó

không thụ động mà phải biết tạo ra những điều kiện thích hợp, làm cho điều kiện

này tác động vào điều kiện khác để nảy sinh ra điều kiện cần thiết cho hoạt động của

con người.

**3.Liên hệ:**

Là những sinh viên thuộc khoa Công nghệ thông tin, vốn là ngành đặc thù trong việc tích cực sáng tạo để giải quyết những vấn đề tồn tại trong cuộc sống để phục vụ lợi ích con người, đòi hỏi con người phải tôn trọng tri thức khoa học; tích cực học tập, nghiên cứu để làm chủ tri thức khoa học và truyền bá vào quần chúng đề nó trở thành tri thức, niềm tin của quần chúng, hướng dẫn quần chúng hành động. Mặt khác, phải tự giác tu dưỡng, rèn luyện để hình thành, củng cố nhân sinh quan cách mạng, tình cảm, nghị lực cách mạng để có sự thống nhất hữu cơ giữa tính khoa học và tính nhân văn trong định hướng hành động.

Xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng khách quan là xuất phát từ tính khách quan của vật chất, có thái độ tôn trọng đối với hiện thực khách quan, mà căn bản là tôn trọng quy luật, nhận thức và hành động theo quy luật; tôn trọng vai trò quyết định của đời sống vật chất đối với đời sống tinh thần của con người, của xã hội. Điều đó đòi hỏi trong nhận thức và hành động, con người phải xuất phát từ thực tế khách quan để xác định mục đích, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch, biện pháp; phải lấy thực tế khách quan làm cơ sở, phương tiện; phải tìm ra những nhân tố vật chất, tổ chức những nhân tố cấu thành lực lượng vật chất để hành động, vậy nên, những sinh viên khoa Công nghệ thông tin như tụi em cần phải có 1 góc nhìn thật đa chiều vào thực tại, để có thể đưa ra lựa chọn trong nghề nghiệp mà mình sắp làm trong tương lai gần.

**BT7:**

Đề bài: Phân tích kỹ năng xác định bản thân và kỹ năng "kích dục" và liên hệ tới hoạt động học tập và rèn luyện bản thân

Bài làm:

Kỹ năng xác định bản thân bao gồm 2 kỹ năng nhỏ: tự nhận thức và đánh giá bản thân.

Kỹ năng tự nhận thức là khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách, khả năng, cảm xúc, ưu điểm, nhược điểm và nhu cầu của bản thân. Hiểu biết về bản thân giúp bạn kiểm soát được cảm xúc, biết được những đòi hỏi của bản thân, khả năng chịu đựng để sẵn sàng vượt qua khó khăn, thử thách.

Kỹ năng đánh giá bản thân là kỹ năng sống mà cần có trong việc tu dưỡng nhân cách các bạn trẻ là khả năng đánh giá bản thân trong các lĩnh vực, hành động do chính bản thân làm, đánh giá bản thân đã thực sự làm tốt chưa, tâm huyết và theo đuổi mục tiêu tới cùng không. Đánh giá bản thân có chính xác không là cần có sự nhìn nhận sâu rộng, am hiểu và lối sống tích cực nhất.

Kỹ năng “Kích dục”, là thích ham muốn, khơi dục tinh thần để vượt qua những cám dỗ, và để đạt được sự thành công, thì cần phải đặt ra mục tiêu. Nếu không có mục tiêu, sẽ thiếu tập trung và định hướng. Thiết lập mục tiêu không chỉ giúp điều khiển định hướng của cuộc sống mà còn là chuẩn mực để xác định xem có đang thực sự thành công hay không. Khi đặt ra mục tiêu, phải đảm bảo mục tiêu này có thể khuyến khích bản thân thực hiện vì nó rất quan trọng và tạo được giá trị khi hoàn thành. Nếu không hào hứng với kết quả, hoặc mục tiêu không thích hợp với mục tiêu lớn hơn thì sẽ bỏ ít công sức để thực hiện và mục tiêu khó có khả năng hoàn thành. Do đó động lực chính là chìa khóa để đạt được mục tiêu.

Kỹ năng tự nhận thức và đánh giá bản thân luôn có sự tương quan với nhau, đều là những lời nhận xét của chính mình về bản thân mình, tự nhìn nhận và đánh giá giúp phát hiện được những điều yêu thích của bản thân và kỹ năng đó là cần thiết trong quá trình phục vụ công việc của mình, từ việc thuyết trình hay đơn xin việc phải đánh giá được khả năng bản thân thì các bạn mới nói ra được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để nhà tuyển dụng có cơ sở trong việc lựa chọn ứng cử viên tốt nhất

Thời đại 4.0 hiện nay cực kì đòi hỏi những con người tự tin, xuất sắc và có tiêu chuẩn cao. Vậy nên, việc xác định được bản thân mình là ai và năng lực mình đến đâu là điều vô cùng tối cần thiết. Qua đó ta có thể chọn được ngành học và công việc tương lai, đây là thứ sẽ bám theo chúng ta trong một quãng thời gian rất dài trong cuộc đời. Và từ đấy ta có thể xác định được giá trị, vị trí của mình trong cuộc sống.

Xác định được bản thân rằng mình là ai, mình sẽ làm gì, đây là một bước tiến rất lớn trong cuộc đời của một con người. Vì đây là điểm khởi đầu của cuộc đời nên đây có thể được xem là hành động vạch ra lộ trình để bước đi cho tương lai.

Vì là những sinh viên năm nhất còn mới chập chững bước vào môi trường đại học, rộng hơn là xã hội, việc xác định bản thân ít nhiều sẽ gặp trở ngại, nhưng đây sẽ là công cụ đắc lực để có thể hoàn thiện bản thân tốt nhất có thể.

**BT8:**

Đề bài: Phân tích vai trò và yếu tố của người lao động trong sự phát triển kinh tế xã hội nước ta trên cơ sở quy luật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất

Bài làm:

Hiện nay, giai cấp công nhân đóng vai trò quan trọng trong đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước nâng cao năng suất lao động, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp và sản phẩm; đóng góp to lớn nâng cao tiềm lực kinh tế đất nước.

Bên cạnh đó, giai cấp công nhân với bản lĩnh cách mạng và tính tích cực chính trị - xã hội thật sự là nòng cốt của khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ.

1. **Khái niệm Phương thức sản xuất**

Sản xuất vật chất được tiến hành bằng phương thức sản xuất nhất định. Phương thức sản xuất là cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn nhất định trong lịch sử tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Phương thức sản xuất đóng vai trò nhất định đối với tất cả mọi mặt trong đời sống kinh tế xã hội. Phương thức sản xuất chính là sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất ở một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất tương ứng.

1. **Khái niệm Lực lượng sản xuất**

Lực lượng sản xuất là mối quan hệ của con người với tự nhiên hình thành trong quá trình sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện ở trình độ khống chế tự nhiên của con người. Đó là kết quả năng lực thực tiễn của con người tác động vào tự nhiên để tạo ra của cải vật chất đảm bảo sự tồn tại và phát triển của loài người.

Trong cấu thành của lực lượng sản xuất, có thể có một vài ý kiến nào đó khác nhau về một số yếu tố khác của lực lượng sản xuất, song suy cho cùng thì chúng đều vật chất hóa thành hai phần chủ yếu là tư liệu sản xuất và lực lượng con người. Trong đó tư liệu sản xuất đóng vai trò là khách thể, còn con người là chủ thể.

Tư liệu sản xuất được cấu thành từ hai bộ phận đó là đối tượng lao động và tư liệu lao động. Thông thường trong quá trình sản xuất phương tiện lao động còn được gọi là cơ sở hạ tầng của nền kinh tế. Trong bất kỳ một nền sản xuất nào công cụ sản xuất bao giờ cũng đóng vai trò là then chốt và là chỉ tiêu quan trọng nhất. Hiện nay công cụ sản xuất của con người không ngừng được cải thiện và dẫn đến hoàn thiện, nhờ thành tựu của khoa học kỹ thuật đã tạo ra công cụ lao động công nghiệp máy móc hiện đại thay thế dần lao động của con người. Do đó công cụ lao động luôn là độc nhất, cách mạng nhất của lực lượng sản xuất.

Bất kỳ một thời đại lịch sử nào, công cụ sản xuất bao giờ cũng là sản phẩm tổng hợp, đa dạng của toàn bộ những phức hợp kỹ thuật được hình thành và gắn liền với quá trình sản xuất và phát triển của nền kinh tế. Nó là sự kết hợp của nhiều yếu tố trong đó quan trọng nhất và trực tiếp nhất là trí tuệ con người được nhân lên trên cơ sở kế thừa nền văn minh vật chất trước đó.

Tư liệu lao động dù có tinh xảo và hiện đại đến đâu nhưng tách khỏi con người thì nó cũng không thể phát huy tác dụng. Chính vậy mà Lenin đã viết: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động “. Người lao động với những kinh nghiệm, thói quen lao động, sử dụng tư liệu sản xuất để tạo ra của cải vật chất. Tư liệu sản xuất với tư cách là khách thể của lực lượng sản xuất, và nó chỉ phát huy tác dụng khi nó được kết hợp với lao động sống của con người .

Trong 3 yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất thì người lao động là yếu tố quyết định nhất, quan trọng nhất bởi con người lao động chế tạo ra tư liệu lao động, và một phần đối tượng lao động, đồng thời là người sử dụng, phát huy vai trò của tư liệu lao động, công cụ lao động. Ngay khoa học - kỹ thuật là yếu tố cốt lõi của lực lượng sản xuất, nhưng tự bản thân khoa học không thể gây ra bất kỳ sự tác động tích cực hay tiêu cực nào đối với thế giới, mà phải thông qua sự vận dụng vào hoạt động thực tiễn của con người thì nó mới phát sinh tác dụng.

- Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của một dân tộc biểu lộ rõ nhất ở trình độ phát triển của phân công lao động.

- Lực lượng sản xuất có vai trò chức năng sáng tạo ra của cải vật chất và là động lực của sự phát triển xã hội

Người lao động với tư cách là một bộ phận của lực lượng sản xuất xã hội phải là người có thể lực, có tri thức văn hóa, có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm và thói quen tốt, phẩm chất tư cách lành mạnh, lương tâm nghề nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Trước đây do chưa chú trọng đúng mức đến vị trí của người lao động, chúng ta chưa biết khai thác phát huy mọi sức mạnh của nhân tố con người.Tuy năng lực và kinh nghiệm sản xuất của con người còn phụ thuộc nặng nề vào những tư liệu sản xuất sẵn có, khả năng tích cực sáng tạo của họ đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

**3) Khái niệm quan hệ sản xuất**

Quan hệ sản xuất là phạm trù triết học chỉ quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (sản xuất và tái sản xuất xã hội). Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ sở hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu, quan hệ về tổ chức và quản lý sản xuất và quan hệ về phân phối các sản phẩm làm ra… Quan hệ sản xuất do con người tạo ra nhưng sự hình thành và phát triển một cách khách quan không phụ thuộc vào ý chí con người.

Nếu như quan niệm lực lượng sản xuất là mặt tự nhiên của sản xuất thì quan hệ sản xuất lại là mặt xã hội của sản xuất.

Quan hệ sản xuất gồm có 3 mặt:

+ Quan hệ giữa người với người trong việc chiếm hữu những tư liệu sản xuất chủ yếu (gọi tắt là quan hệ sở hữu)

+ Quan hệ giữa người với người trong việc tổ chức, quản lý xã hội và trao đổi hoạt động cho nhau (gọi tắt là quan hệ tổ chức, quản lý).

+ Quan hệ giữa người với người trong phân phối, lưu thông sản phẩm làm ra (gọi tắt là quan hệ phân phối lưu thông)

**4) Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất:**

Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là hai mặt hợp thành của phương thức sản xuất có tác động qua lại biện chứng với nhau:

+ Lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành biến đổi của quan hệ sản xuất: lực lượng sản xuất là cái biến đổi đầu tiên và luôn biến đổi trong sản xuất con người muốn giảm nhẹ lao động nặng nhọc tạo ra năng suất cao phải luôn tìm cách cải tiến công cụ lao động. Chế tạo ra công cụ lao động mới. Lực lượng lao động quy định sự hình thành và biến đổi quan hệ sản xuất khi quan hệ sản xuất không thích ứng với trình độ, tính chất của lực lượng sản xuất thì nó kìm hãm thậm chí phá hoại lực lượng sản xuất và ngược lại.

+ Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất khi đã được xác lập thì nó độc lập tương đối với lực lượng sản xuất và trở thành những cơ sở và những thể chế xã hội và nó không thể biến đổi đồng thời đối với lực lượng sản xuất. Thường lạc hậu so với lực lượng sản xuất và nếu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ sản xuất, tính chất của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Nếu lạc hậu so với lực lượng sản xuất dù tạm thời thì nó kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Sở dĩ quan hệ sản xuất có thể tác động mạnh mẽ trở lại đối với lực lượng sản xuất vì nó quy định mục đích của sản xuất quy định hệ thống tổ chức quản lý sản xuất và quản lý xã hội, quy định phương thức phân phối và phần của cải ít hay nhiều mà người lao động được hưởng. Do đó nó ảnh hưởng tới thái đ quần chúng lao động. Nó tạo ra những điều kiện hoặc kích thích hoặc hạn chế sự phát triển công cụ sản xuất, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất hợp tác phân công lao động quốc tế.

**Tóm lại:** Mặc dù quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đem lại cho ta những lợi ích, hiệu quả lớn trong sự phát triển kinh tế của đất nước nhưng nếu áp dụng không đúng cách sẽ gây sai lầm. Chính vì vậy chúng ta cần hiểu biết rõ quy luật để biết áp dụng một cách đúng đắn.